**KIỂM TRA GIỮA HK2 TOÁN 6 CÁNH DIỀU**

**ĐỀ BÀI**

**I.TRẮC NGHIỆM (3 điểm).**

1. **\_NB\_** Mai nói rằng: “ Dữ liệu là số được gọi là số liệu “. Theo em Mai nói thế đúng hay sai?

**A.** Đúng. **B.** Sai.

1. **\_NB\_** Để thu được dữ liệu về nhiệt độ sôi của một số chất lỏng, ta có thể sử dụng phương pháp thu thập nào?

**A.** Tìm kiếm trên Internet. **B.** Thực hành thí nghiệm.

**C.** Cả A và B đều sai. **D.** Cả A và B đều đúng.

1. **\_NB\_** Hãy cho biết khối 6 có bao nhiêu học sinh giỏi?

**A. .** **B. .** **C. .** **D. **.

1. \_NB\_ Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. **\_NB\_** Phân số nào sau đây bằng phân số ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

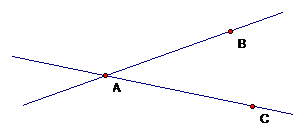
1. \_NB\_ Điểm không thuộc đường thẳng được kí hiệu?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. \_NB\_ Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** Vô số đường thẳng.

1. \_NB\_ Cho hình vẽ bên: Hãy hai đường thẳng  và là 2 đường thẳng



**A.** Cắt nhau. **B.** Song song với nhau.

**C.** Trùng nhau. **D.** Có hai điểm chung.

1. \_TH\_Hãy chọn cách so sánh đúng?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. \_TH\_Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần 

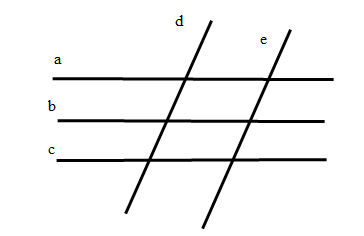
**A.** . **C.** .

**B.** . **D.** .

1. \_TH\_Cho điểm là trung điểm của đoạn thẳng . Biết.Tính .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

1. \_TH\_Cho hình vẽ bên: có mấy cặp đường thẳng song song



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

**II.TỰ LUẬN**.

1. **(1 điểm)** \_VD\_ Thực hiện phép tính một cách hợp lý

**a)** . **b)** .

1. **(2 điểm)** \_TH\_Giáo viên chủ nhiệm lớpyêu cầu lớp trưởng điều tra về loại nhạc cụ: Organ, Ghita, Kèn, Trống, Sáo mà các học sinh trong lớp yêu thích nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhạc cụ | Kiểm đếm | Số bạn yêu thích |
| Organ |  |  |
| Ghita |  |  |
| Kèn |  |  |
| Trống |  |  |
| Sáo |  |  |

a)Lớp trưởng lớp cần thu thập những dữ liệu nào?

b)Nêu những đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê? Loại nhạc cụ nào được yêu thích nhiều nhất?.

1. **­­(1,5 điểm)** \_VD\_ Minh gieo một con xúc sắc  lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số chấm xuất hiện |  |  |  |  |  |  |
| Số lần |  |  |  |  |  |  |

Tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện sau:

a)Số chấm xuất hiện là số chẵn

b)Số chấm xuất hiện lớn hơn 2.

1. **(1,5 điểm) \_VD\_** Cho đoạn thẳng  dài . Lấy điểm nằm giữa hai điểm  và  sao cho . Tính độ dài đoạn thẳng .
2. **(1 điểm)** **\_VDC\_** Tính giá trị của biểu thức: P = 

**ĐÁP ÁN**

**I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

**Bảng đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.A** | **2.D** | **3.C** | **4.A** | **5.C** | **6.C** | **7.A** | **8.A** | **9.B** | **10.D** | **11.C** | **12.C** |

**Hướng dẫn giải chi tiết**.

1. \_NB\_ Mai nói rằng: “ Dữ liệu là số được gọi là số liệu “. Theo em Mai nói thế đúng hay sai?

**A.** Đúng. **B.** Sai

**Chọn A**

+ Giải thích: Vì các thông tin thu được gọi là dữ liệu. trong các dữ liệu ấy, có dữ liệu là số ( số liệu), có dữ liệu không phải là số.

1. \_NB\_ Để thu được dữ liệu về nhiệt độ sôi của một số chất lỏng, ta có thể sử dụng phương pháp thu thập nào?

**A.** Tìm kiếm trên Internet. **B.** Thực hành thí nghiệm.

**C.** Cả A và B đều sai. **D.** Cả A và B đều đúng.

**Chọn D**.

1. \_NB\_ Hãy cho biết khối 6 có bao nhiêu học sinh giỏi?

**A. **. **B. **. **C. **. **D. **

**Chọn C**

+ Giải thích: Ứng với mỗi đối tượng thống kê có một số liệu thống kê theo tiêu chí, lần lượt được biểu diễn trên trục thẳng đứng.

1. \_NB\_ Trong cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

**Chọn A**

+ Giải thích: Phân số có dạng (a, b ϵ Z) nên là phân số.

1. **\_NB\_** Phân số nào sau đây bằng phân số ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Chọn C**

+ Giải thích: Vì .

1. \_NB\_ Điểm  không thuộc đường thẳng được kí hiệu?

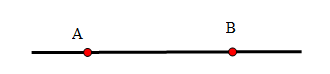
**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

**Chọn C**.

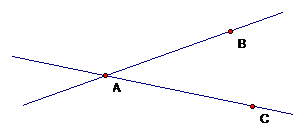
1. \_NB\_ Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt  và ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** Vô số đường thẳng

**Chọn A**

+ Giải thích: .

1. \_NB\_ Cho hình vẽ bên: Hãy hai đường thẳng  và  là  đường thẳng



**A.** Cắt nhau. **B.** Song song với nhau.

**C.** Trùng nhau. **D.** Có hai điểm chung.

**Chọn A**

+ Giải thích: hai đường thẳng và  cắt nhau tại giao điểm .

1. \_TH\_Hãy chọn cách so sánh đúng?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

**Chọn B**

+ Giải thích: Vì -4 < -3 nên .

1. \_TH\_Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần 

**A.** . **C.** .

**B.** . **D.** 

**Chọn D**

+ Giải thích: Vì nên .

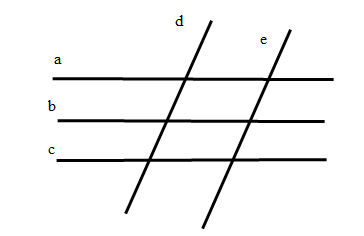
1. \_TH\_Cho điểm  là trung điểm của đoạn thẳng . Biết . Tính độ dài đoạn thẳng .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| . **A.** . | . **B.** . | . **C.** . | **D.** . |

**Chọn C**

+ Giải thích: Vì là trung điểm của đoạn thẳng  nên .

1. \_TH\_Cho hình vẽ bên: có mấy cặp đường thẳng song song?



**A.** . **B.** . **C.** . **D.** 

**Chọn C**

+ Giải thích: Ta có các cặp canh song song là



**II. TỰ LUẬN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | | **Nội dung đáp án** | **Thang điểm** |
| **13** | **a** | a) | 0,5 |
| **b** | b) | 0,5 |
| **14** | **a** | Khi tiến hành thống kê lớp trưởng lớp  cần thu thập thông tin về loại nhạc cụ yêu thích nhất của các học sinh trong lớp. | 0,5 |
| **b** | Đối tượng thống kê là loại nhạc cụ: Organ, Ghita, Kèn, Trống, Sáo.  Tiêu chí thống kê là số học sinh yêu thích từng loại nhạc cụ đó.  Loại nhạc cụ được yêu thích nhiều nhất là Trống. | 0,5  0,5  0,5 |
| **15** | **a** | Số lần gieo mà số chấm xuất hiện là số chẵn là:    Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chất xuất hiện là số chẵn là: | 0,25  0,5 |
| **b** | Số lần gieo có số chấm xuất hiện lớn hơn  là:    Xác suất thực nghiệm của sự kiện số chất xuất hiện lớn hơn là: | 0,25  0,5 |
| **16** |  | Vẽ đúng hình 0,5 điểm  Vì C nằm giữa hai điểm và nên | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **17** |  |  | 0,25  0,25  0,25  0,25 |



**MA TRẬN VÀ ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 6 – SÁCH CÁNH DIỀU**

**THỜI ĐIỂM KIỂM TRA: GIỮA HỌC KÌ II**

**MẠCH KIẾN THỨC: XSTK + SỐ + HÌNH (30%TN - 70%TL)**

**1. Số lượng, dạng thức, thời gian**

+ Số lượng đề: 01 đề minh họa môn Toán lớp 6.

+ Thời gian làm bài: 90 phút.

+ Hình thức: 30% trắc nghiệm, 70% tự luận.

Phần trắc nghiệm gồm 12 câu (mỗi câu 0,25 điểm).

Phần tự luận gồm 05 câu (mỗi câu tự luận gồm nhiều câu thành phần có số điểm tương ứng với mức độ đánh giá).

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **Ý** | .  **Câu 13** | .  **Câu 14** | .  **Câu 15** | .  **Câu 16** | .  **Câu 17** |
| a | 0,5 | 1 | 0,75 | 1,5 | 1 |
| b | 0,5 | 1 | 0,75 |  |  |

**2. Tỉ trọng nội dung và các mức độ đánh giá**

+ Tổng điểm toàn bài: 10 điểm

+ Trắc nghiệm 3 điểm, tự luận 7 điểm.

+ Thang đánh giá ở 4 mức độ: NB:TH:VD:VDC = 2: 3: 4: 1.

**3. Yêu cầu cần đạt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành tố của NL Toán học, biểu hiện liên quan đến thành tố của NL Toán học** | | **Nội dung, yêu cầu cần đạt tương ứng (Trình bày theo thứ tự câu hỏi trong đề kiểm tra).** | |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề | **Xác suất**  **Thống kê** | **Câu 1,2:** Nhận biết được khái niệm, cách thu thập so sánh dữ liệu |
| TD-MHH | Sử dụng MHH để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn | 1. Hiểu, đọc và mô tả dữ liệu biểu đồ cột |
| MHH | Sử dụng MHH để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn | 1. Hiểu được đối tượng thống kê,tiêu chí thống kê. |
| GQVĐ | Sử dụng kiến thức,kĩ năng toán học để giải quyết vấn đề | 1. Vận dụng tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề | **Phân số** | 1. Nhận biết phân số. 2. Nhận biết phân số bằng nhau |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề | 1. So sánh phân số |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề | 1. Sắp xếp phân số theo thứ tự tăng dần |
| GQVĐ | Sử dụng kiến thức,kĩ năng toán học để giải quyết vấn đề | 1. Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. |
| GQVĐ | Sử dụng kiến thức,kĩ năng toán học để giải quyết vấn đề | 1. Vận dụng tính giá trị biểu thức. |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. | **Nhữnghình học cơ bản (Điểm,đường thẳng,đoạn thẳng)** | 1. Nhận biết quan hệ điểm thuộc đường thẳng. |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. | 1. Nhận biết có bao nhiêu đường thẳng đi qua 2 điểm. |
| TD-MHH | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. | 1. Nhận biết 2 đường thẳng cắt nhau (cho hình vẽ). |
| TD | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. | 1. Tính số đo 1 đoạn thẳng khi biết trung điểm của đoạn thẳng đó. |
| TD-MHH | Biết lập luận hợp lý khi giải quyết vấn đề. Sử dụng MHH để mô tả tình huống xuất hiện | 1. Chỉ ra được vị trí tương đối của 2 đường thẳng(cho hình vẽ) |
| GT-CC-GQVĐ | Sử dụng MHH để mô tả tình huống xuất hiện trong một số bài toán.  Sử dụng kiến thức,kĩ năng toán học để giải quyết vấn đề | 1. Vẽ hình.Tính độ dài đoạn thẳng. |

**4.Ma trận phân bố câu hỏi và mức độ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Cộng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1.XSTK**  **(13 tiết)** | *Số câu* | 3 |  |  | 1 |  | 1 |  |  | **5** |
| *Số điểm* | **0,75** |  |  | **2** |  | **1,5** |  |  | **4** |
| *Câu số/*  *Hình thức* | 1,2,3  TN |  |  | 14  TL |  | 15  TL |  |  |  |
| *Thành tố năng lực* | TD |  |  | MHH-GQVĐ |  | MHH-GQVĐ |  |  |  |
| **2. Phân số**  **(8 tiết)** | *Số câu* | 2 |  | 2 |  |  | 1 |  | 1 | **6** |
| *Số điểm* | **0,5** |  | **0,5** |  |  | **1** |  | **1** | **3** |
| *Câu số/*  *Hình thức* | 4,5  TN |  | 9,10  TN |  |  | 13  TL |  | 17  TL |  |
| *Thành tố năng lực* | TD |  | TD-GQVĐ |  |  | GQVĐ |  | GQVĐ |  |
| **3. Nhữnghình học cơ bản (Điểm,đường thẳng,đoạn thẳng)**  **(11 tiết)** | *Số câu* | 3 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | **6** |
| *Số điểm* | **0,75** |  | **0,5** |  |  | **1,5** |  |  | **3** |
| *Câu số/*  *Hình thức* | 6,7,8  TN |  | 11,12  TN |  |  | 16  TL |  |  |  |
| *Thành tố năng lực* | TD-MHH |  | MHH-TD | |  | GT-CC-GQVĐ |  |  |  |
| **Tổng** | **Điểm** | **2** | | **3** | | **4** | | **1** | | **10** |
| **%** | **20%** | | **30%** | | **40%** | | **10%** | | **100%** |

**Ghi chú:**

- TD: Năng lực TD và LL toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 1;2;3;4;5;6;7;8;9;11;12.

- GQVĐ: Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 9;10;14;15.

- MHH:Năng lực mô hình hóa Toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 7,8,12;14;15.

- GT: Năng lực giao tiếp toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 16.

- CC: Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

Những câu góp phần hình thành và phát triển năng lực này là câu 16.